



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở NHỮNG XÃ BIÊN GIỚI TỈNH THANH HÓA

NGÔ XUÂN LỘC,
MAI HỒNG

Tuyến biên giới phía Tây Thanh Hóa giáp tỉnh Hòa Phấn - nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào dài 192km, với 18 mốc quốc giới và một cửa khẩu quốc tế Na Mèo. Vùng biên giới này thuộc địa bàn của năm huyện: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân. Trong đó có 16 xã giáp đường biên giới là: Mường Chanh, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý, Tén Tàn, Nhi Sơn, Pù Nhi (huyện Mường Lát), xã Sơn Thủy, Na Mèo, Mường Mìn, Sơn Điện, Tam Lư, Tam Thanh (huyện Quan Sơn), xã Hiền Kiệt (huyện Quan Hoá), xã Yên Khương (huyện Lang Chánh), xã Bát Mọt (huyện Thường Xuân).

Vị trí địa lý bao quanh 16 xã biên giới là: phía Bắc giáp tỉnh Sơn La; phía Nam giáp tỉnh Nghệ An; phía Đông giáp các xã Mường Lý (huyện Mường Lát), Hiền Chung, Thiên Phú, Nam Động (huyện Quan Hóa), Sơn Lư, Sơn Hà (huyện Quan Sơn), Yên Thắng (huyện Lang Chánh), Yên Nhân (huyện Thường Xuân); phía Tây giáp tỉnh Hòa Phấn - nước CHDCND Lào. Tổng diện tích tự nhiên của các xã biên giới là 169.083,66ha.

Về cơ cấu dân số, tổng dân số của 16 xã biên giới là 10.391 hộ, 53.554 người (chiếm 4,86% dân số toàn khu vực miền núi

Thanh Hóa). Tính đến thời điểm khảo sát (năm 2011), dân số của 16 xã biên giới được phân bố trong 147 thôn, bản, trong đó có 48 bản nằm sát dọc theo đường biên giới. Các bản này đều ở vùng sâu, cách xa trung tâm xã. Mật độ cư trú trung bình khoảng 32 người/km².

Về dân tộc, trên địa bàn 16 xã biên giới gồm sáu dân tộc: Thái, Mường, Khơ-mú, Hmông, Dao, Kinh. Trong đó, đông nhất là dân tộc Thái (7.736 hộ, 38.785 khẩu), thứ hai là dân tộc Hmông (1.738 hộ, 10.497 khẩu); tiếp đến là dân tộc Mường (535 hộ, 2.567 khẩu), dân tộc Khơ-mú (152 hộ), dân tộc Dao (97 hộ) và ít nhất là dân tộc Kinh (83 hộ). Vùng các xã biên giới có vị trí quan trọng không chỉ về quốc phòng an ninh mà cả trong sự phát triển kinh tế - xã hội của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã vùng biên của tỉnh Thanh Hóa. Dựa trên kết quả khảo sát của đề tài nghiên cứu “*Vai trò của tri thức bản địa trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh của cộng đồng dân tộc ở các xã biên giới tỉnh Thanh Hóa*” do Trung tâm Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn - Trường Đại học Hồng Đức chủ trì, được tiến hành tại các xã biên giới, bài viết này sẽ khái lược một số vấn đề cơ

bản về kinh tế - xã hội và văn hóa của cư dân các dân tộc ở các xã giáp biên như là những cứ liệu về khoa học nhân văn để góp phần bổ sung thêm cho nghiên cứu về vùng này.

1. Phân bố dân cư ở các xã biên giới Thanh Hóa

Đặc điểm nổi bật của sự phân bố dân cư ở các xã giáp biên là đa tộc người, đa sắc thái văn hóa, cư trú vừa tập trung vừa xen cài.

1.1. Người Thái

Người Thái có số lượng dân cư đông nhất, phân bố ở khắp 16 xã biên giới với số dân chiếm 72,5% dân số toàn vùng giáp biên. Nhiều xã giáp biên đông dân cư và người Thái ở đó chiếm đa số như: xã Mường Chanh, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý, Tén Tẩn của huyện Mường Lát; xã Sơn Thủy, Na mèo, Mường Mìn, Sơn Điện, Tam Lư, Tam Thanh của huyện Quan Sơn; xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hoá; xã Yên Khương, huyện Lang Chánh; xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân. Theo số liệu các trường bản cung cấp, có nhiều bản biên giới người Thái chiếm gần 100% như: Bản Táo ở xã Trung Lý có 146 hộ với gần 1.000 người, trong đó 100% là người Thái. Các bản Ngàm, bản Pa, Cha Lung, Kham, xã Tam Thanh, hầu hết là người Thái. Các bản Ho, Cháo thuộc xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hoá, người Thái chiếm trên 96%. Bản Sại, xã Tam Lư có 135 hộ với gần 800 khẩu, trong đó người Thái chiếm 95%. Các bản Vịn, Khẹo, Lục thuộc xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân, người Thái chiếm trên 95%. Bản Yên, xã Mường Mìn có 110 hộ, 562 nhân khẩu, người Thái chiếm 94%. Bản Xắng Hằng, xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, người Thái chiếm 90%...

Nếu phân chia theo các nhóm Thái địa phương tự gọi thì người Thái cư trú ở các xã

biên giới thuộc hai nhóm Tày Dọ và Tày Mười. Nhóm Tày Mười có 35.664 khẩu sinh sống tập trung ở các xã Mường Chanh, Quang Chiêu, Tén Tẩn, Tam Chung, Trung Lý, Na Mèo, Sơn Thủy, Sơn Điện, Mường Mìn, Tam Thanh, Tam Lư, Hiền Kiệt, Yên Khương. Nhóm Tày Dọ cư trú chủ yếu ở xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân. Như vậy, toàn bộ người Thái ở các xã biên giới sinh sống tập trung trong 12 mường trước đây, gồm: mường Chanh, mường Púng, mường Xim, mường Chiềng Còng, mường Lát, mường Lý (huyện Mường Lát); mường Khiết (huyện Quan Hóa); mường Xia, mường Mìn, mường Mò, mường Sại (huyện Quan Sơn); mường Đeng (huyện Lang Chánh); mường Mót (huyện Thường Xuân).

Xét về mặt lịch sử cư trú của người Thái ở các xã biên giới nói riêng, người Thái ở Thanh Hóa nói chung, có ý kiến cho rằng được hình thành và phát triển từ một nhóm Thái cổ bản địa (tự gọi là Phu Tày), trải qua nhiều biến cố lịch sử, được bổ sung thêm một bộ phận người Thái từ các tỉnh phía Bắc vào, từ Lào, Nghệ An sang. Các cụ cao niên là người Thái, từ 80 tuổi trở lên đã từng làm lãnh đạo huyện, ngành cấp tỉnh như cụ Vi Văn Âu - nguyên Chủ tịch huyện Quan Hóa (cũ), cụ Phạm Xuân Liêm - nguyên Phó Bí thư huyện ủy Quan Hóa (cũ)... đều thống nhất nhận định rằng hầu hết người Thái ở các huyện Quan Hóa, Mường Lát, Quan Sơn đều di cư từ các tỉnh phía Bắc (như Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu) vào Quan Hóa rồi lên lập nghiệp ở các xã biên giới. Riêng dòng họ Lo Khăm (Phạm Bá) thì di cư từ Bắc Lào xuôi theo dòng sông Mã đến mường Ca Da, rồi tỏa đi các xã biên giới trong huyện. Người Thái ở huyện Lang Chánh, theo ông Phạm Đăng Nhượng, dòng họ Lò di cư từ Nghĩa Lộ - Yên Bái vào, dòng

họ Lương có nguồn gốc từ Lào di cư sang, dòng họ Vi thì di cư từ Tây Nghệ An đến. Người Thái ở xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân có các dòng họ Cầm, Lục, Vi, Lang đều có nguồn gốc ở tỉnh Lai Châu và các tỉnh khác của phía Bắc di cư vào. Như vậy, về mặt lịch sử cư trú, người Thái là tộc người đã sinh sống ở vùng các xã biên giới từ lâu đời.

1.2. Người Mường

Người Mường ở các xã biên giới chiếm 4,79% dân số toàn vùng. Họ cư trú xen kẽ với người Thái, chủ yếu ở các xã thuộc huyện Quan Sơn, Mường Lát. Trong nhiều vấn đề về lịch sử và văn hóa của người Mường Thanh Hóa, người Mường ở khu vực các xã biên giới chưa được đề cập cụ thể. Nhưng đã có ý kiến cho rằng người Mường Thanh Hoá được hợp thành từ ba bộ phận chính: Bộ phận người Mường từ tỉnh Hoà Bình di cư vào, chủ yếu là dân vùng Mường Bi; bộ phận thứ hai là quá trình vận động của người Thái bị Thái hoá thành người Mường hoặc người Kinh hoá Mường; và bộ phận thứ ba đáng chú ý nhất là người Mường bản địa. Do đó, về mặt lịch sử, người Mường là tộc người có mặt ở Thanh Hóa từ rất lâu đời rồi toả lên sinh sống ở các xã biên giới trong sự giao lưu hoà nhập rất sâu sắc với người Thái.

1.3. Người Hmông

Người Hmông di cư vào Thanh Hoá khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX theo hai con đường chủ yếu là từ Sơn La, Hoà Bình về Thanh Hoá và từ Điện Biên, Lào Cai sang Lào rồi từ Lào về Thanh Hoá. Người Hmông ở các xã biên giới có số dân chiếm 19,62% dân số toàn vùng, gồm có các ngành Hmông Đen, Hmông Trắng, Hmông Hoa và Hmông Xanh. Họ phân bố ở các xã Pù Nhi, Nhi Sơn, Tam Chung, Trung Lý, Quang Chiêu thuộc huyện Mường Lát và các

xã Sơn Thủy, Na Mèo thuộc huyện Quan Sơn. Trong đó, người Hmông tập trung nhiều nhất ở hai xã Pù Nhi, Nhi Sơn thuộc huyện Mường Lát.

1.4. Người Kơ-mú

Người Kơ-mú ở Thanh Hóa cư trú tập trung ở hai bản vùng biên giới. Đó là bản Đoàn Kết thuộc xã Tén Tàn và bản Lách thuộc xã Mường Chanh, với tổng số dân là 152 hộ, 775 khẩu, chiếm 1,45% dân số toàn vùng. Những người cao tuổi và trưởng bản ở đây cho biết: người Kơ-mú di cư vào Thanh Hoá khoảng năm 1922. Người Kơ-mú ở bản Đoàn Kết di cư từ các tỉnh Tây Bắc vào và người Kơ-mú ở bản Lách thì từ Lào di cư sang.

1.5. Người Dao

Người Dao ở các xã biên giới thuộc nhóm Dao Đỏ. Ông Phạm Quang Thẩm, nguyên Phó Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa cho biết, khoảng năm 1950, người Dao từ Lào chuyển cư vào vùng Mường Lát sinh sống do ông Triệu Xanh Chiu dẫn đầu, cư trú tại bản Pù Quán, xã Pù Nhi. Hiện nay, người Dao sinh sống tập trung ở hai bản Suối Tút, Con Dao thuộc xã Quang Chiêu và hai bản Pù Quán, Hạ Sơn thuộc xã Pù Nhi với tổng số dân là 97 hộ, 581 khẩu, chiếm 1% dân số toàn vùng.

1.6. Người Việt (Kinh)

Người Việt (Kinh) cư trú ở các xã biên giới có 83 hộ, chiếm 0,54% dân số toàn vùng. Người Việt (Kinh) sinh sống ở vùng này chủ yếu là do quá trình nhập cư từ các địa phương trong tỉnh vốn diễn ra chủ yếu vào thời kỳ từ sau Cách mạng tháng Tám và nhất là sau khi hoà bình lập lại vào năm 1954 đến nay, do yêu cầu điều chỉnh sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế miền núi.

Xét về dân số và sự phân bố dân cư của các tộc người ở vùng các xã biên giới Thanh Hóa, chúng ta thấy, đây là một khu vực đa tộc người. Người Thái có số dân đông nhất, sinh sống ở đây lâu đời, cư trú hầu khắp 16 xã, nên văn hóa Thái có sự ảnh hưởng lan toả đến các tộc người khác trong vùng. Người Hmông, Dao và Khơ-mú cư trú tương đối tập trung ở một số bản và là những tộc người có mặt ở vùng các xã biên giới muộn hơn so với người Thái và người Mường. Do đó, về văn hóa, các tộc người này vừa giữ được sắc thái riêng của tộc người mình vừa có sự ảnh hưởng văn hóa của người Thái, người Mường ở khu vực này. Người Mường và người Thái ở đây lại có nhiều đặc điểm về văn hóa giống nhau, thể hiện qua bộ nữ phục và kỹ thuật canh tác nương rẫy. Tất cả cộng đồng cư dân ở các xã biên giới đều đoàn kết, chung sức xây dựng và bảo vệ vùng đất biên giới.

2. Đặc điểm kinh tế - xã hội ở các xã biên giới Thanh Hóa

Vùng các xã biên giới là vùng núi cao, bị chia cắt bởi các dãy núi cao, suối sâu. Địa hình có độ cao từ 500m đến 1.300m so với mặt biển, thấp dần từ Tây sang Đông, độ dốc cao nhất là 48⁰. Địa hình phức tạp, diện tích đất nông nghiệp hạn chế, giao thông đi lại khó khăn, sự giao lưu và hội nhập kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các xã trong khu vực biên giới và giữa khu vực biên giới với vùng khác vẫn còn nhiều hạn chế.

Xét dưới góc độ hoạt động kinh tế, về cơ bản, ở các xã biên giới, kinh tế nông - lâm nghiệp vẫn là chủ yếu. Cây trồng chính là cây lương thực có hạt. Những năm gần đây đã có chuyển biến tích cực nhờ đưa các giống mới (lúa, ngô lai) và kết hợp với giống

lúa, ngô bản địa còn phù hợp, có năng suất cao vào sản xuất theo cách thức xây dựng mô hình. Diện tích sản xuất nông nghiệp ít, bình quân chỉ đạt 0,15 ha/người, riêng diện tích lúa nước trung bình là 300m²/người, nên cư dân ở các xã biên giới phải làm nương rẫy luân canh. Tổng sản lượng lương thực toàn vùng biên giới là 14.687 tấn, bình quân lương thực đầu người chỉ đạt 274,5 kg/người/năm. Riêng các bản giáp đường biên bình quân lương thực thấp hơn so với toàn vùng. Chăn nuôi của các hộ gia đình chủ yếu theo quy mô nhỏ mang tính tự túc tự cấp, chưa tạo thành sản phẩm hàng hóa.

Trong sản xuất lâm nghiệp, những năm gần đây nhờ có sự đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình dự án trồng 5 triệu ha rừng, dự án định canh định cư kết hợp với tri thức bản địa của các dân tộc ở vùng biên giới nên rừng được bảo vệ và phát triển. Tổng diện tích đất lâm nghiệp của các xã biên giới là 115.477,91ha, trong đó, rừng tự nhiên - 111.178,02ha, rừng trồng - 4.299,89ha. Tính đến năm 2010, độ che phủ toàn vùng trên 50%, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

Hệ thống đường giao thông toàn vùng là 375,84km, trong đó mới được nhựa hóa là 97,84km, còn lại 278km là đường đất. Các tuyến đường từ trung tâm xã đến thôn bản chủ yếu là đường đất và đường mòn, giao thông đi lại hết sức khó khăn, nhất là mùa mưa bão. Tuy nhiên, cũng có thuận lợi lớn bởi có các trục đường Quốc lộ 217, đường tỉnh lộ Hồi Xuân - Mường Lát, đường tỉnh lộ Thường Xuân - Bát Mọt, đường Lang Chánh - Yên Khương và đường nhựa vành đai biên giới dọc theo các xã biên giới của 5 huyện.

Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, do điều kiện địa hình phức tạp, bị chia cắt bởi

núi cao, sông suối nên một số xã biên giới không có điều kiện làm ruộng nước tập trung liền khu, liền khoảnh rộng lớn mà chỉ có những khu ruộng nhỏ rải rác theo các thung lũng. Vì vậy, các công trình thủy lợi đều là những công trình quy mô nhỏ kết hợp với hệ thống tưới tiêu theo kinh nghiệm truyền thống của người Thái, người Mường.

Nhìn chung, điều kiện kinh tế của nhân dân các xã vùng biên giới tuy đã được tỉnh và Trung ương quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. So với mức bình quân chung trên phạm vi toàn miền núi thì các chỉ tiêu bình quân về kết quả sản xuất đời sống nhân dân các xã biên giới đều đạt thấp hơn: tỷ lệ hộ đói nghèo (năm 2009) toàn tuyến biên giới chiếm 72,4% (toàn miền núi Thanh Hóa, hộ đói nghèo là 53,5%); tỷ lệ hộ thiếu đất sản xuất - 10% (2008); tỷ lệ hộ thiếu đất ở - 1,5% (2009); tỷ lệ hộ khó khăn về nhà ở - 20,7% (2009); bình quân lương thực cây có hạt - 274,5 kg/người/năm (so với toàn miền núi Thanh Hoá năm 2009 là 334 kg/người/năm) (Số liệu của Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hoá, năm 2009). Ở một số xã, tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao, như xã Sơn Điện: tỷ lệ hộ nghèo tới 50,17%, tỷ lệ hộ cận nghèo - 17,9% (Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội - quốc phòng an ninh năm 2010 của UBND xã Sơn Điện). Ở xã Na Mèo, năm 2010, số hộ nghèo là 354, chiếm 52,75%, số hộ cận nghèo là 91 hộ (Báo cáo tình hình kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm 2011 của UBND xã Na Mèo). Ở xã Tam Thanh, tỷ lệ hộ nghèo là 51,17% (Báo cáo đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của UBND xã Tam Thanh, nhiệm kỳ 2004-2011).

Về xã hội, theo thực tế khảo sát, việc cư trú xen cài giữa các tộc người ở các xã

biên giới là phổ biến. Trong 147 thôn bản của 16 xã, chỉ có hai bản là thuần dân tộc Kơ-mú, hai bản thuần dân tộc Hmông, hai bản thuần dân tộc Dao. Việc cư trú xen cài như trên đã dẫn đến sự giao lưu giữa các tộc người, trong đó văn hóa của người Thái có ảnh hưởng lớn nhất ở vùng các xã biên giới. Điều này không chỉ tác động đến sự thay đổi của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào các dân tộc nơi đây mà còn dẫn đến hôn nhân giữa các dân tộc. Theo nhận định của người dân ở xã Na Mèo, so với trước đây, có sự biến đổi rất lớn trong kết hôn giữa các dân tộc. Trước đây, chủ yếu là hôn nhân diễn ra giữa những người cùng dân tộc, nếu có kết hôn khác dân tộc cũng chủ yếu diễn ra trong các dân tộc gần gũi nhau về văn hóa trong quá trình cộng cư và giao lưu văn hóa lâu đời ở vùng này, như giữa người Thái với người Mường, hoặc người Việt (Kinh) với người Thái, người Mường, nhưng chiếm tỷ lệ rất ít. Tại các xã biên giới Thanh Hóa, hôn nhân khác tộc giữa người Hmông và dân tộc khác đã xuất hiện. Vào tháng 7/2011, một thanh niên người Hmông ở bản Mùa Xuân (xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn) lấy vợ người Thái ở bản Na Mèo (xã Na Mèo, huyện Quan Sơn). Đó là trường hợp đầu tiên người Hmông kết hôn với người dân tộc khác. Nhưng có thể nói, đây là một sự chuyển biến mạnh mẽ trong tập quán hôn nhân truyền thống của người Hmông. Vì trong hôn nhân, chưa có hiện tượng hôn nhân giữa người Hmông với các dân tộc khác trên địa bàn cùng cư trú. Nếu nhìn vào bức tranh dân cư và phân bố dân cư, cũng có thể cho rằng do đặc điểm cư trú tập trung, ít xen cài, địa bàn cư trú tương đối biệt lập, giao thông đi lại không thuận lợi của người Hmông cũng là một nguyên nhân khiến hôn

nhân trong cộng đồng người Hmông với người dân tộc khác chưa có điều kiện diễn ra. Tuy nhiên, yếu tố quan trọng nhất là sự khác biệt về phong tục tập quán, nên khó có thể dẫn đến việc kết hôn giữa người Hmông với người khác tộc. Đối với người Hmông, trong cách phân biệt dòng họ, những người có chung một họ với nhau, cho dù không có quan hệ huyết thống với nhau, không bao giờ được phép kết hôn với nhau. Đã là cùng một dòng họ, dù có cách xa mấy chục đời, cũng không được lấy nhau, trong khi lại cho phép hôn nhân cận huyết thống nhưng không cùng dòng họ. Nguyên tắc ngoại hôn dòng họ nhưng nội hôn tộc người của người Hmông được tuân thủ khá chặt chẽ với tính cổ kết rất cao, nên nhiều người Hmông lấy vợ cùng dân tộc ở những bản rất xa, nhưng không lấy vợ khác tộc ở trong vùng.

Trở lại với văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở các xã vùng biên giới Thanh Hóa như đã trình bày, những giá trị văn hóa truyền thống một mặt vẫn được bảo lưu trong môi trường văn hóa tộc người, mặt khác sự đổi thay đang diễn ra trên nhiều phương diện. Theo truyền thống, các dân tộc Thái, Mường, Khơ-mú thường ở nhà sàn; các dân tộc Kinh, Dao, Hmông thường ở nhà đất. Các dân tộc Thái, Mường, Kinh cư trú ở những nơi bằng phẳng, hoặc ở dọc theo các thung lũng gần với nguồn nước, giao thông có phần thuận tiện hơn, có điều kiện tiếp cận với các tiến bộ kỹ thuật nên đã áp dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất kết hợp với những tri thức truyền thống. Các dân tộc Hmông, Dao, Khơ-mú thường cư trú ở vùng sâu, giao thông và điều kiện sống khó khăn, canh tác nương rẫy theo phương thức du canh, tự túc, tự cấp là chính. Họ thường sống ở khu vực đầu nguồn các con sông, con suối, gần các khu vực rừng phòng

hộ, rừng nguyên sinh. Trong bối cảnh đó, sự gần gũi, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, sự trao đổi, tiếp nhận lẫn nhau về những kinh nghiệm truyền thống trong hoạt động sản xuất, ứng phó với môi trường... giữa các dân tộc ở vùng biên giới là vô cùng quan trọng.

3. Một số nhận xét

3.1. Dân cư ở các xã vùng biên giới là đa sắc tộc. Điểm nổi bật xét ở góc độ văn hóa truyền thống của cư dân ở vùng này là một bức tranh đa sắc màu, trong đó có những đường nét nổi trội của sự gần gũi văn hóa Thái, Mường và sự hỗn dung các yếu tố văn hóa của các tộc người Thái, Mường, Hmông, Dao, Khơ-mú.

3.2. Trong quá trình cộng cư sinh sống ở vùng biên giới, một vùng đất có nhiều khó khăn nhưng lại giữ vị thế quan trọng về quốc phòng an ninh, các tộc người Thái, Mường, Hmông, Dao, Khơ-mú, Kinh đã xây dựng truyền thống đoàn kết gắn bó và phát huy thế mạnh của mỗi tộc người để góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới.

3.3. Việc xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của cộng đồng dân tộc ở các xã vùng biên giới Thanh Hóa có một số thuận lợi nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, nhưng trong thực tế vẫn còn rất nhiều khó khăn. Sinh sống trên vùng đất rừng của mình, phải ứng phó, thích nghi với môi trường tự nhiên, các dân tộc ở đây đã xây dựng và tích lũy được một hệ thống kiến thức để giải quyết vấn đề mưu sinh.

3.4. Có thể thấy, việc cư trú xen cài là điều kiện thuận lợi để giao lưu văn hoá, học hỏi kinh nghiệm giữa các dân tộc khác nhau. Việc kết hôn giữa các dân tộc cũng là một yếu tố thuận lợi trong hoà hợp văn hóa, tăng

cường sự hiểu biết và đoàn kết giữa các dân tộc. Vấn đề này sẽ kéo theo nhiều thay đổi trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng các dân tộc đang sinh sống tại các xã vùng biên giới. Những thay đổi này cũng đang đặt ra một số vấn đề trong giữ gìn và bảo tồn giá trị văn hóa tộc người.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc Thanh Hóa (2008), *Dự án ổn định sắp xếp dân cư các xã biên giới*.

2. Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của 16 xã biên giới (2009, 2010, 2011).

3. Địa chí Thanh Hóa tập II (2004), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Lê Sĩ Giáo (1991), “Đặc điểm phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hóa”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 37-43

5. Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính Phủ số 253/2005 QĐ-TTg ngày 12/10/2005 về Đề án phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh miền Tây Thanh Hóa đến 2010.

6. Quyết định số 1610 QĐ/UBND ngày 31/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về Phê duyệt đầu tư dự án ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mông huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2010.



Thu hoạch mía của người Mường ở huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

Ảnh: Lê Mùi